BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM ĐỊA LÍ 9 BÀI 2:

DÂN SỐ VÀ GIA TĂNG DÂN SỐ

Câu 1: Hiện tượng bùng nổ dân số ở nước ta bắt đầu từ khi nào

A. Cuối những năm 40 **B.** Cuối những năm 50 của thế kỉ XX

C. Cuối những năm 60 **D.** Cuối những năm 70 của thế kỉ XX

Câu 2: Trong khu vực Đông Nam Á , tính đến năm 2002, dân số nước ta đứng vào hàng thứ mấy?

A. 1 **B.** 2 **C.** 3 **D.** 4

Câu 3: Dân số nước đứng vào hàng thứ mấy so với dân số thế giới (năm 2002)

A. 12 **B.** 13 **C.** 14 **D.** 15

Câu 4: Trong giai đoạn hiện nay, tỷ lệ sinh giảm là do:

A. Nhà nước không cho sinh nhiều **B.** Tâm lý trọng nam khinh nữ không còn

C. Số phụ nữ trong độ tuổi sinh sản giảm **D.** Thực hiện tốt kế hoạch hoá gia đình.

Câu 5: Dân số nước ta năm 2002 là

A. 70 Triệu người **B.** 74,5 triệu người **C.** 79,7 triệu người **D.** 81 triệu người

Câu 6: Tại sao trong giai đoạn hiện nay, tỷ lệ gia tăng tự nhiên thấp mà tổng số dân lại tăng nhanh?

A. Tỷ lệ tử ít

B. Tổng số dân đã quá nhiều

C. Nền kinh tế phát triển

D. Ý a, b đúng.

Câu 7: Tại sao ở những năm 50, tỷ lệ gia tăng dân số rất cao mà tổng dân số nước ta lại thấp?

A. Tỷ lệ tử nhiều

B. Tổng số dân ban đầu còn thấp

C. Nền kinh tế chưa phát triển

D. Ý a, b đúng.

Câu 8: Dân số thành thị tăng nhanh, không phải vì:

A. Gia tăng tự nhiên cao **B.** Do di dân vào thành thị

C. Do tăng tỉ trọng khu vực dịch vụ **D.** Nhiều đô thị mới hình thành

Câu 9: Để giảm bớt tỉ lệ gia tăng tự nhiên dân số biện pháp phải thực hiện chủ yếu là:

A. Thực hiện tốt công tác kế hoạch hóa gia đình.

B. Nâng cao nhận thức của người dân về vấn đề dân số.

C. Phân bố lại dân cư giữa các vùng.

D. Nâng cao chất lương cuộc sống.

Câu 10: Nói Việt Nam là một nước đông dân là vì:

A. Việt Nam có 79,7 triệu người (2002) **B.** Lãnh thổ đứng thứ 58 về diện tích.

C. Dân số đứng thứ 13 trên thế giới **D.** Lãnh thổ hẹp, dân số nhiều.

Câu 11: Cho bảng số liệu .

Tỉ suất sinh và tỉ suất tử của dân số nước ta thời kỳ 1979- 1999 (%0)

Năm Tỉ suất	1979	1999
Tỷ suất sinh	32,5	19,9
Tỷ suất tử	7,2	5,6

Tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số năm 1979 và 1999 (%) lần lượt là:

A. 2,5 và 1,4 **B.** 2,6 và 1,4
C. 2,5 và 1,5 **D.** 2,6 và 1,5

Câu 12: Để giảm bớt tỷ lệ gia tăng tự nhiên dân số cần phải thực hiện .
A. Kế hoạch hóa gia đình
B. Nâng cao nhận thức của người dân về vấn đề dân số
C. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền
D. Cả A, B,C đúng

Câu 13: Hiện nay dân số nước ta đang chuyển sang giai đoạn có tỉ suất sinh .
A. Tương đối thấp **B.** Trung bình
C. Cao **D.** Rất cao

Câu 14: Dân số nước ta thuộc vào hàng các nước
A. Ít dân số trên thế giới **B.** Trung bình dân số trên thế giới
C. Đông dân trên thế giới **D.** Tăng chậm so với thế giới

Câu 15: Dân số đông và tăng nhanh gây ra những hậu quả xấu đối với:
A. Sự phát triển kinh tế, chất lượng cuộc sống.
B. Môi Trường, chất lượng cuộc sống.
C. Chất lượng cuộc sống và các vấn đề khác.
D. Sự phát triển kinh tế, chất lượng cuộc sống; tài nguyên môi trường.

Câu 16: Sự gia tăng dân số nước ta hiện nay không có đặc điểm:
A. Tỉ lệ sinh tương đối thấp và đang giảm chậm
B. Tỉ lệ gia tăng tự nhiên của dân số khác nhau giữa các vùng.
C. Mỗi năm dân số nước ta tăng lên khoảng một triệu người.
D. Tỉ lệ gia tăng tự nhiên ở đồng bằng cao hơn ở miền núi và nông thôn.

Câu 17: Hiện tượng bùng nổ dân số ở nước ta chấm dứt trong khoảng thời gian nào?
A. Những năm cuối thế kỉ XIX. **B.** Những năm cuối thế kỉ XX.
C. Những năm đầu thế kỉ XIX. **D.** Những năm đầu thế kỉ XX.

Câu 18: Nước ta có cơ cấu dân số:
A. Cơ cấu dân số trẻ. **B.** Cơ cấu dân số già.
C. Cơ cấu dân số ổn định. **D.** Cơ cấu dân số phát triển.

Câu 19: Dân số ở nhóm tuổi từ 0 – 14 tuổi đặt ra những vấn đề cấp bách nào?
A. Xây dựng các nhà dưỡng lão, các khu dân trí.
B. Văn hóa, y tế, giáo dục và giải quyết việc làm trong tương lai.
C. Giải quyết việc làm, vấn đề xã hội, an ninh.
D. Các vấn đề trật tự an ninh và các vấn đề văn hóa, giáo dục.

Câu 20: Mỗi năm dân số nước ta tăng thêm khoảng
A. 1 triệu người **B.** 1,5 triệu người **C.** 2 triệu người **D.** 2,5 triệu người

ĐÁP ÁN

1	B	5	C	9	A	13	A	17	B
2	C	6	D	10	D	14	C	18	A
3	C	7	D	11	A	15	D	19	B
4	D	8	A	12	D	16	D	20	A